

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày: 22/7/2019
V/v: *Tranh chấp về hợp đồng
dân sự “Vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Như Ngọc

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đông Hải, kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2019/TLST- DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST – DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 06/2019/TB-TA ngày ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Hồng N, sinh năm: 1985 (Có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 376, t 11, kp 1, thị trấn Thứ 11, huyện AM, Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh Đặng Quốc D, sinh năm: 1980 (Có mặt).

Nơi cư trú: T 02, ấp MG, xã VKĐ, huyện AM, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung khởi kiện ngày 05/4/2019, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Hồng N trình bày và yêu cầu như sau: Vào ngày 11/5/2018, anh Đặng Quốc D có hỏi vay của chị số tiền gốc là 180.000.000 đồng, khi vay giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2000 đồng/01 triệu đồng/ngày. Anh D có viết biên nhận và hẹn ngày trả nợ gốc.

Nhưng từ khi nhận tiền vay đến nay, anh D trả tiền lãi không đầy đủ như thỏa thuận, số tiền lãi anh D trả cho chị được khoảng 10.000.000 đồng, đối với số tiền gốc thì đến nay anh D chưa trả nên chị khởi kiện yêu cầu anh D trả cho chị số tiền đã vay còn nợ là 180.000.000 đồng và không yêu cầu anh D trả tiền lãi.

** Theo bản tự khai ngày 17/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Quốc D trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh D xác nhận, vào năm 2018 anh có vay của chị N số tiền 180.000.000 đồng và có thỏa thuận lãi suất, có làm biên nhận nợ nhưng sau khi vay thì anh D có trả tiền lãi và có trả được số tiền gốc là 50.000.000 đồng nhưng việc trả tiền gốc và tiền lãi cho chị N thì anh D không có giấy tờ gì để chứng minh và cũng không có ai chứng kiến. Nay, anh còn nợ chị N số tiền gốc là 130.000.000 đồng nên anh xin trả số tiền này trong thời gian 02 tháng và anh không yêu cầu gì đối với số tiền lãi mà anh đã trả cho chị N.

** Tại phiên tòa:*

- *Nguyên đơn chị N yêu cầu:* Yêu cầu anh D trả cho chị số tiền vay gốc là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), không yêu cầu anh D trả tiền lãi. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

- *Bị đơn anh D yêu cầu:* Chỉ đồng ý trả cho chị N số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) và trả trong thời gian 02 tháng (*lần 1 ngày 22/7/2019 trả 50.000.000 đồng và lần 2 ngày 22/8/2019 trả 80.000.000 đồng*) là hết nợ.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 465, 466 và 468 BLDS năm 2015; chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị N, buộc anh D trả cho chị N số tiền gốc là 180.000.000 đồng và anh D phải chịu án phí tương ứng với số tiền anh phải trả cho chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Đặng Quốc D (*có nơi cư trú tại*

tổ 02, ấp MG, xã VKĐ, huyện AM, tỉnh Kiên Giang) trả tiền vay mà anh D còn nợ chị. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Vào ngày 11/5/2018, chị N có cho anh D vay số tiền gốc là 180.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 2.000 đồng/01 triệu/ngày. Trong quá trình vay, anh D có làm biên nhận nợ, có trả lãi nhưng không đầy đủ và đến nay anh D chưa trả được nợ nên chị N khởi kiện yêu cầu anh D trả số tiền 180.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi.

2.1 Trong quá trình giải quyết vụ án và qua lời trình bày của chị N được anh D thừa nhận sự việc là anh có vay của chị N số tiền 180.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/01 triệu/ngày và anh D có làm biên nhận nợ cho chị N. Đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chị N không phải chứng minh cho yêu cầu của mình về việc anh D có vay số tiền 180.000.000 đồng.

2.2 Xét lời khai nại của anh D cho rằng, sau khi vay tiền của chị N thì anh có trả cho chị N số tiền gốc là 50.000.000 đồng vào ngày 03/7/2018 nhưng giữa hai bên không làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến nên hiện nay anh chỉ còn nợ chị N số tiền gốc là 130.000.000 đồng và anh chỉ đồng ý trả số tiền 130.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng cho chị N. HĐXX xét thấy, trong trường hợp này, anh D là người phải có nghĩa vụ chứng minh về số tiền mà anh đã trả cho chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS năm 2015.

Tuy nhiên, từ khi anh D có lời trình bày cho đến phiên tòa hôm nay anh D không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh anh D có trả cho chị N số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Đồng thời, chị N cũng không thừa nhận việc anh D có trả cho chị N số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 03/7/2018 nên HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 91 BLTTDS năm 2015 để giải quyết vụ án và xét thấy lời trình bày của anh D không có cơ sở nên không chấp nhận.

2.3 Đối với yêu cầu của chị N về việc yêu cầu anh D trả cho chị số tiền gốc 180.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, anh D là bên vay đã không trả tiền vay theo đúng thỏa thuận nên anh D phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị N theo quy định tại Điều 466 BLDS năm 2015. Đối với số tiền lãi của hợp đồng vay, chị N không yêu cầu anh D trả lãi và anh D không yêu cầu gì đối với số tiền lãi mà anh đã trả cho chị N nên HĐXX ghi nhận.

Do đó, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Hồng N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, buộc anh Đặng Quốc D trả cho chị N số tiền gốc là 180.000.000 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

- Anh Đặng Quốc D phải chịu án phí là 9.000.000 đồng (180.000.000 đồng x 5%)

- Do yêu cầu của chị Trần Hồng N được chấp nhận nên hoàn trả lại cho chị số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc anh Đặng Quốc D trả cho chị Trần Hồng N số tiền vay gốc là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng anh D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Anh Đặng Quốc D phải chịu án phí là 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*)

- Hoàn trả lại cho chị Trần Hồng N số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006271 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 22/7/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung*

năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Cẩm Linh